

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 22/9/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tứ.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2021/TLST – HNGĐ, ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị P, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Tiêu Viết X, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Võ Thị P trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Tiêu Viết X có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 31/3/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống từ năm 2017 cho đến tháng 02/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X thường xuyên bài bạc, không tập trung làm ăn, không chăm sóc, vun vén hạnh phúc gia đình, do mâu thuẫn nên chị và anh X đã ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh Tiêu Viết X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tiêu Viết Gia P, sinh ngày 08/01/2018; đang ở với anh X.

Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nhận nuôi cháu Tiêu Viết Gia P và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về công việc và thu nhập: Chị hiện buôn bán ăn vặt và kinh doanh trò chơi trẻ em, thu nhập một tháng khoảng 15.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có.

Tại Đơn giải trình ngày 28/6/2021; Bản tự khai ngày 22/6/2021 và Biên bản hòa giải ngày 30/6/2021, bị đơn Anh Tiêu Viết X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị Võ Thị P về quá trình tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, kết hôn và con chung như trình bày trên là đúng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có cãi vã với nhau, nguyên nhân là do vợ chồng chưa hòa hợp để bảo ban nhau, đôi lúc anh có ham chơi đánh bài bạc nhưng không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vì công việc anh vẫn làm bình thường, lo cho gia đình, không bỏ bê con cái.

Trước đây anh không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, hiện nay anh thấy cuộc sống vợ chồng rất mệt mỏi, anh có thiện chí để hòa giải nhưng Chị Võ Thị P vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn anh nên anh đồng ý ly hôn với Chị Võ Thị P.

Về con chung: Hiện con chung đang ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về công việc và thu nhập: Anh đang làm nghề lái xe, buôn bán cà phê, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 28, 68, 195, 196, 207, 208, 209, 210, 211 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 262 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X.

Về con chung: Giao cháu Tiêu Viết Gia P, sinh ngày 08/01/2018 cho chị P nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

Về nghĩa vụ về tài sản: Không có nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh X là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, anh X ham chơi cờ bạc không chăm lo cho cuộc sống gia đình; anh, chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Trong quá trình Tòa án làm việc và hòa giải anh X thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nêu trên, phù hợp với lời trình bày của chị P.

Tại phiên tòa, anh X đồng ý thuận tình ly hôn với chị P. Xét thấy, việc tự nguyện thuận tình ly hôn của chị P và anh X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng mâu thuẫn của anh, chị và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X có 01 con chung là Tiêu Viết Gia P, sinh ngày 08/01/2018, đang ở với chị P, chị P và anh X đều có

nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, cháu P còn nhỏ tuổi (mới hơn 36 tháng) nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của cháu P. Mặt khác, chị P đảm bảo điều kiện kinh tế, thời gian cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Hội đồng xét xử cần giao cháu P cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn nhằm đảm bảo điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt của các con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy, cháu P đang ở cùng anh X nên cần buộc anh X phải có nghĩa vụ giao lại cháu P cho chị P thực hiện quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Yêu cầu của anh X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trái với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[2.3] *Về tài sản chung:* Chị P và anh X tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ tài sản chung:* Chị P và anh X xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chị Võ Thị P tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn hoàn trả lại cho chị P số tiền 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

[2.6] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Tiêu Viết Gia P, sinh ngày 08/01/2018 cho Chị Võ Thị P được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Buộc Anh Tiêu Viết X có nghĩa vụ giao lại con chung là Tiêu Viết Gia P, sinh ngày 08/01/2018 cho Chị Võ Thị P để chị thực hiện quyền, nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

3. *Về tài sản chung*: Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Võ Thị P tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 150.000đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2018/0003788, ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; còn phải hoàn trả lại cho Chị Võ Thị P số tiền 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Chị Võ Thị P và Anh Tiêu Viết X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/9/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Châu,
huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Toại

